TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - H phúc**

Bản án số: 164/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 08/10/2021
V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu T.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần X Th, bà Bùi Thị H

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lệ H – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Tuyết L – Kiểm sát viên

Ngày 08/10/2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 196/2020/TLST-HNGĐ ngày 25/11/2020 về việc "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 176/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/9/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Trọng H, sinh năm 1979

Nơi đăng ký HKTT: Xóm 5, xã Nghi Phương, huyện Nghi L, Nghệ An

Hiện đang tạm trú tại: 13.23 khối B, chung cư Hiệp B Phước, Tam B, Gò Dưa, KP4, phường Hiệp B Phước, thành phố Thủ Đức. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1982

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Xóm 5, xã Nghi Phương, huyện Nghi L, tỉnh Nghệ An. Địa chỉ hiện nay: Số 109, hẻm 39, ngõ 79, đường Sơn Cước, thị trấn Ta Cun, Quận Chang Hoa, Đài Loan. Vắng mặt và có đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 21/5/2020, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Trọng H trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị B kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An vào ngày 04/02/2004. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tại quận 12, thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, H phúc. Nhưng từ năm 2007, thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là

do sau khi sinh con đầu lòng, kinh tế gia đình khó khăn, vợ chồng quyết định về Nghệ An và mở cửa hàng phụ tùng xe máy để mưu sinh. Cũng trong thời gian này, cuộc sống quá bận rộn, dẫn đến mâu thuẫn tăng dần, chị B bắt đầu ngoại tình với người khác. Từ đó, mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng. Tháng 10/2010, anh H đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc đến tháng 3/2020 thì về nước. Tháng 6/2019, chị H đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, từ đó đến nay chưa về. Nay, tình cảm vợ chồng không còn, anh H đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị B.

Về con chung: Anh Nguyễn Trọng H và chị Nguyễn Thị B có 01 con chung là cháu Nguyễn Trọng Thành L, sinh ngày 10/3/2007, hiện đang ở với anh H. Ly hôn, anh H đề nghị được nuôi con và không yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng thỏa thuận tự chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn chị Nguyễn Thị B: Do anh Nguyễn Trọng H không cung cấp được địa chỉ của chị Nguyễn Thị B ở nước ngoài nên sau khi thụ lý vụ án , Tòa án đã gửi các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án, yêu cầu chị B có quan điểm của mình về việc giải quyết vụ án , Quyết định đưa vụ án ra xét xử , … cho chị Nguyễn Thị B thông qua ông Nguyễn Văn T và bà Phan Thị X là bố mẹ đẻ của chị B; đồng thời tiến hành niêm yế t các văn bản tố tụng nêu trên tại trụ sở UBND xã Nghi Phương, huyện Nghi L, tỉnh Nghệ An và nơi cư trú cuối cùng tại Việt Nam của chị B. Ông T, bà X cho biết hiện nay chị B đang ở Đài Loan, ông bà đã thông báo cho chị B biết việc Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đang giải quyết vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình giữa anh H và chị B.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đã nhận được văn bản trình bày ý kiến của chị B, có xác nhận của bố đẻ và chị gái chị B là ông Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Ng. Nội dung văn bản chị B trình bày: Chị đã biết được việc anh Nguyễn Trọng H làm đơn xin ly hôn chị tại Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An. Chị và anh H kết hôn vào năm 2004 trên cơ sở tự nguyện. Đến năm 2010, anh H đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc. Năm 2014, anh H có quan hệ với người phụ nữ khác nên tình cảm vợ chồng rạn nứt. Cũng từ đó, anh H không còn chu cấp tiền về cho vợ con, cuộc sống gia đình vất vả, con cái đang tuổi ăn tuổi lớn, chồng đi làm ăn xa, bố mẹ chồng không hiểu cho chị…. nên chị cảm thấy cuộc sống mệt mỏi cả thể xác lẫn tinh thần. Vì vậy, năm 2019, chị đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan để anh H về Việt Nam chăm con cho con được sung sướng hơn. Nay, anh H làm đơn xin ly hôn thì chị đồng ý. Về con chung, chị đồng ý giao con chung cho anh H nuôi dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung, vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do chị đang ở nước ngoài và tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, chị không thể về tham dự phiên tòa, vì vậy, chị B đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử vắng mặt chị.

Cháu Nguyễn Trọng Thành L có ý kiến: Cháu là con của bố Nguyễn Trọng H và mẹ Nguyễn Thị B, hiện nay cháu đang ở với bố. Nếu bố mẹ ly hôn, cháu có nguyện vọng được ở với bố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Về phía bị đơn: Chị Nguyễn Thị B có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú trước khi xuất cảnh tại xóm 5, xã Nghi Phương, huyện Nghi L, tỉnh Nghệ An và hiện đang xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Tòa án đã tiến hành xác minh thu thập chứng cứ tại nhà bố mẹ đẻ chị B là ông Nguyễn Văn T và bà Phan Thị X, yêu cầu ông bà cung cấp địa chỉ của bị đơn nhưng ông bà không cung cấp được. Sau khi ông bà biết được việc anh H làm đơn xin ly hôn với chị B, ông bà đã nhận các văn bản tố tụng Tòa án tống đạt cho chị và đã thông báo lại cho chị B biết. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhận được 02 văn bản đề tên người gửi là chị Nguyễn Thị B nhưng không được hợp pháp hóa lãnh sự hay công chứng chứng thực. Tòa án chưa tiến hành thủ tục ủy thác tư pháp để tống đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn theo địa chỉ đã cung cấp trong đơn theo quy định tại Điều 474 Bộ luật tố tụng dân sự nên chưa đủ cơ sở để xét xử vắng mặt bị đơn. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để ủy thác tư pháp tống đạt văn bản tố tụng cho bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự đã được thẩm tra tại phiên tòa và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Trọng H hiện đang cư trú tại thành phố Thủ Đức, vì lý do công việc và tình hình dịch bệnh Covid -19 diễn biến phức tạp nên anh H làm đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Chị Nguyễn Thị B hiện cư trú và làm việc tại Đài Loan. Do anh Nguyễn Trọng H không cung cấp được địa chỉ của chị B ở nước ngoài nên Tòa án đã gửi Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho chị B thông qua gia đình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự . Quá trình giải quyết vụ án, chị B đã gửi văn bản trình bày ý kiến về việc giải quyết ly hôn giữa chị với anh Nguyễn Trọng H và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị qua đường bưu điện về cho Tòa án. Văn bản trình bày ý kiến của chị B gửi về tuy không có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam ở nước ngoài nhưng do chính tay chị B viết, ký tên được bố đẻ và chị gái của chị B là ông Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Ng xác nhận những lời khai và tài liệu gửi về đúng là của chị Nguyễn Thị B. Việc xác nhận của cơ quan đại diện Việt Nam tại Đài Loan vào văn bản trình bày của chị B cũng chỉ để khẳng định đó đúng là ý kiến của chị

B nên việc tạm ngừng phiên tòa để ủy thác tư pháp tống đạt văn bản tố tụng cho bị đơn như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là không cần thiết. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định tại khoản 1 Điều 228; Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tình cảm: Anh Nguyễn Trọng H và chị Nguyễn Thị B kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, H phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không tin tưởng vào tình cảm của nhau, nghi ngờ lẫn nhau dẫn đến mối bất hòa không giải quyết được. Vợ chồng sinh sống mỗi người một nơi nên không có điều kiện hòa giải, hàn gắn tình cảm. Nay, anh H thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị B. Trong văn bản gửi về cho Tòa án, chị B cũng thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn và đồng ý ly hôn với anh H. Xét thấy, tình trạng hôn nhân của anh H và chị B đã lâm vào tình trạng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình giải quyết cho anh Nguyễn Trọng H được ly hôn với chị Nguyễn Thị B.

[3] Về con chung: Anh Nguyễn Trọng H và chị Nguyễn Thị B có 01 con chung là cháu Nguyễn Trọng Thành L, sinh ngày 10/3/2007, hiện đang ở với anh H. Anh H và chị B đều có ý kiến giao con chung cho anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Cháu Nguyễn Trọng Thành L cũng có nguyện vọng được ở với bố. Xét thấy, hiện nay cháu L đang ở với anh H, được đi học và được chăm sóc chu đáo, ý kiến của H và chị B về việc giao con chung cho anh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là chính đáng, phù hợp với nguyện vọng của cháu L và phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, Anh H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử chưa xem xét. Chị B có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Anh H và chị B không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[5] Về án phí: Anh Nguyễn Trọng H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 37, 147, khoản 1 Điều 228, Điều 477, khoản 1, 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị

quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ tình cảm: Cho anh Nguyễn Trọng H và chị Nguyễn Thị B được ly hôn.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Trọng Thành L, sinh ngày 10/3/2007 cho anh Nguyễn Trọng H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi, trưởng thành. Chị Nguyễn Thị B có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Trọng H chưa yêu cầu nên Tòa án chưa xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh H và chị B không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Trọng H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An theo biên lai số 0000213 ngày 25/11/2020. Anh Nguyễn Trọng H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Trọng H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Chị Nguyễn Thị B đang cư trú ở nước ngoài vắng mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- UBND xã N, huyện Nghi L ;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIEN TÒA

Nguyễn Thị Thu T